TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: **Trần Ngọc Bân.**

- Ông: **Âu Văn Nghị.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền -** Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà **Vũ Thị L**; Sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Đ.

Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn***: **Nguyễn Thanh D**; Sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện R, tỉnh L.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Thanh D có quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 05 tháng thì quyết định đi đến quan hệ hôn nhân, ông bà có đăng ký kết hôn vào ngày

21/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Đ và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn được khoảng 03 năm vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, không đồng quan điểm trong cách sống, suy nghĩ dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được và hiện tại vợ chồng ông bà đã ly thân khoảng 07 năm. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Thanh D.

Về con chung: Ông bà có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T; Sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005, cháu Nguyễn Thị Thanh L; Sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007. Bà L yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho bà nuôi dưỡng và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Ý kiến, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn Nguyễn Thanh D:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Thanh D nhưng ông D không chấp hành, không đến tòa làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Thanh D được ly hôn; Về con chung: giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luật tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bi đơn ông Nguyễn Thanh D được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng tại phiên tòa; Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Thanh D đã tự nguyện đi đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2004 tại Ủy ban nhân dân K, huyện L, tỉnh Đ nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D là hợp pháp. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, không đồng quan điểm trong cách sống, suy nghĩ, không quan tâm chăm sóc, lo toan cho cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn bà L.

[3] Về con chung: Bà L và ông D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T; Sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005, cháu Nguyễn Thị Thanh L; Sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007. Xét bà L yêu cầu giao 02 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Vũ Thị L và bị đơn ông Nguyễn Thanh D được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T; Sinh ngày 24 tháng 7 năm 2005, cháu Nguyễn Thị Thanh L; Sinh ngày 12 tháng 9 năm 2007 cho bà Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Thị Thanh L đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Vũ Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Vũ Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003525 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- UBND xã K, huyện L, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Ngọc Bình